

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Phương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết và bà Lê Thị Thanh Huyền;

-Thư ký phiên tòa: bà Trần Thúy Hằng - Thư ký TAND tỉnh;

- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk: Ông **Trần Quyết C** - Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2023 tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự do có kháng cáo của bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2023/HSST ngày 21/3/2023 của TAND huyện Krông Pắc.

- *Họ và tên bị cáo:* **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1952 tại: Tỉnh Khánh Hòa. Nơi cư trú: **Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**. Dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, nghề nghiệp: Làm nông, học vấn: 6/12. Con ông: **Nguyễn H**, con bà **Võ Thị L** (đều đã chết). Gia đình bị cáo có 07 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 03. Bị cáo có vợ là **Bùi Thị Thanh H1** và có 04 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1997. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2021 đến ngày 29/10/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Trần Việt T1** - Văn phòng luật sư **Trần H2** - Thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Đ** - Có mặt tại phiên tòa

- *Bị hại:* Ông **Trần Văn Bình s** năm 1977 (đã chết);

Đại diện hợp pháp của bị hại: Ông **Trần B**, sinh năm 1958, nơi cư trú: **Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**: Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư **Lê Công T2** - **Văn phòng L6** - Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk - Có mặt tại phiên tòa

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông **Nguyễn Bùi T3**, sinh năm 1989, nơi cư trú: **Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**: Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Bà **Bùi Thị Thanh H1**, sinh năm 1960, nơi cư trú: **Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**: Có mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị Xuân L1**, sinh năm 1987 - Có mặt. Nơi cư trú: **Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**.

3. Ông Phạm Nguyên V; sinh năm 1983 - Có mặt. Nơi cư trú: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Bà Nguyễn Thị Bích L2, sinh năm 1960 - Vắng mặt. Nơi cư trú: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Bà Trần Thị T4, sinh năm 1968 - Có mặt. Nơi cư trú: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

6. Ông Hoàng Văn L3, sinh năm 1980 - Có mặt. Nơi cư trú: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

7. Bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1982 - Có mặt. Nơi cư trú: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người chứng kiến: Ông Nguyễn Bảo N, sinh năm 1999 - Vắng mặt. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 15 phút ngày 11/3/2021, Nguyễn Văn T và vợ là bà Bùi Thị Thanh H1, đang ở nhà tại thôn P (nay là thôn T), xã E, huyện K nghe tiếng ồn ào phía trước nhà mình. T cùng bà H1 đi ra sân thì thấy ông Trần Văn B1 là hàng xóm đang đứng trước nhà T lớn tiếng hỏi vợ chồng T về việc tranh chấp đất giữa hai bên. Thấy ông B1 có biểu hiện đã dùng rượu, bia nên T và bà H1 đến nói ông B1 về nhưng ông B1 không về mà vẫn đứng trước cổng lớn tiếng. T đi công phụ ra ngoài, để nói ông B1 về, bà H1 cũng đi theo. Lúc này T và ông B1 đứng đối diện nhau thì T dùng tay đẩy 02 - 03 cái vào phía trước người ông B1 và nói ông B1 về, nhưng ông B1 không về mà tiếp tục đứng tranh cãi với T.

Thấy vậy, T dùng tay phải đẩy thêm 01 cái trúng vào vùng mặt ông B1 và nói “*Thôi mày về đi, mày cứ đứng đây la ó om sòm*”, rồi T quay vào nhà. Do bị T đẩy trúng vào vùng mặt nên ông B1 ngã ngửa xuống đất. Thấy ông B1 bị ngã không dậy được bà H1 la lên “*Nó say rồi anh còn đánh nó làm gì*”, rồi đến đỡ ông B1 dậy thì thấy đầu ông B1 chảy máu nên gọi “*Ông T ơi, ông B1 chảy máu đầu nhiều lắm, lấy xe ra chở ông B1 đi cấp cứu*”, thì T từ sân đi ra chỗ ông B1 ngã.

Lúc này, anh Hoàng Văn L3 điều khiển xe mô tô chở vợ là Nguyễn Thị L4 vừa đi ngang qua thì chị L4 nghe thấy tiếng la của bà H1 và nói anh L3 quay lại. Anh L5 dừng xe và quay lại khu vực trước cổng nhà T thì thấy bà H1 đang đỡ ông B1, đầu ông B1 chảy nhiều máu và đã bất tỉnh, T đang đứng gần vị trí ông B1. Anh L5 nói T vào trong nhà lấy xe mô tô rồi cùng T chở ông B1 đi cấp cứu tại phòng khám của bác sỹ H3 ở chợ xã E, huyện K nhưng phòng khám đã nghỉ. Lúc này, ông Trần B là anh của ông B1 đến nên đã cùng T đưa B1 đến trung tâm y tế huyện K cấp cứu. Sau đó, ông B1 được chuyển đến cấp cứu tại bệnh viện Đ, khoảng 11 giờ ngày 12/3/2021 ông B1 tử vong. Khoảng 14 giờ ngày 12/3/2021,

tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, Nguyễn Văn T đầu thú và khai nhận hành vi của mình.

Tại Kết luận giám định pháp y về tử thi số 334/PYTT-PC09 ngày 31/3/2021 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận nguyên nhân chết của Trần Văn B1 là: Chấn thương sọ não gây nứt sọ, tụ máu, dập não và phù não nặng. Dẫn đến choáng hôn mê não không hồi phục.

Tại Kết luận giám định bổ sung số 1037/PYHS-PC09 ngày 25/10/2021 của Phòng K Công an tỉnh Đ đối với các vết thương ghi nhận trên tử thi của Trần Văn B1 kết luận như sau:

Thương tích bầm tụ máu kích thước (04x03) cm và dập niêm mạc dài 1,5cm tại môi dưới bên trái do tác động của vật cứng tày, hướng tác động từ trước ra sau.

Thương tích sây sát da (0,5x0,1) cm nằm dọc tại 1/3 ngoài xương đòn trái là do tác động của vật cứng tày, hướng tác động từ dưới lên trên, từ trước ra sau.

Thương tích sây sát da kích thước (1,5x01) cm tại 1/3 sau trên đùi phải là do tác động của vật cứng tày, hướng tác động từ sau ra trước.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thu giữ 01 bộ đầu thu camera nhãn hiệu @jhua, màu trắng và 01 dây sạc của đầu thu của gia đình Nguyễn Văn T, kết quả giám định như sau:

Tại Kết luận giám định số 513/C09C-Đ1 ngày 01/6/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng đã tìm thấy dữ liệu video CAM 1 gồm 06 tập tin video, phần mở rộng “.dav”, lưu trữ trong ổ cứng Seagate, dung lượng 500GB của đầu ghi gửi giám định.

Tại Kết luận giám định số 731/KLGD-PC09 ngày 30/7/2021 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận 06 tập tin video gửi giám định không phát hiện thấy dấu hiệu bị cắt ghép, chỉnh sửa.

Tại Kết luận giám định số 1272/KL-C09C-Đ1, ngày 28/01/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

1. Không xác định được hình ảnh của Nguyễn Văn T và Bùi Thị Thanh H1 qua hình ảnh hiển thị của dữ liệu video CAM 1 trong khoảng thời gian từ 15 giờ 55 phút ngày 11/3/2021 đến 16 giờ 15 phút ngày 11/3/2021 (theo thời gian hiển thị trên hình ảnh của dữ liệu video CAM 1).

2. Theo thời gian hiển thị trên hình ảnh của dữ liệu Video CAM 1, trong khoảng thời gian từ 15 giờ 55 phút ngày 11/3/2021 đến 16 giờ 15 phút ngày 11/3/2021 trích xuất được 18014 tập hình ảnh, phần mở rộng: “.png”.

3. Không xác định được khoảng thời gian từ 15 giờ 55 phút ngày 11/3/2021 đến 16 giờ 15 phút ngày 11/3/2021 (theo thời gian hiển thị trên hình ảnh dữ liệu CAM1) tương ứng với thời gian trong ngày.

4. Tìm thấy dữ liệu CAM 5 gồm 06 tập tin video, phần mở rộng “.dav”, có thời gian hiển thị từ 15 giờ 00 phút ngày 11/3/2021 đến 21 giờ 00 phút ngày 11/3/2021 lưu trữ trong ổ cứng Seagate, dung lượng 500GB, có số S/N:

VM39LCP1, P/N: 1ERT14C-315, trên thân ổ cứng có dãy chữ và số: 4TRT171017 của đầu ghi gửi giám định.

4.1. Theo thời gian hiển thị trên hình ảnh của dữ liệu Video CAM 5, trong khoảng thời gian từ 15 giờ 55 phút ngày 11/3/2021 đến 16 giờ 15 phút ngày 11/3/2021 trích xuất được 18020 tập tin hình ảnh, phân mở rộng: “png”.

4.2. Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt, ghép nội dung hình ảnh của dữ liệu Video CAM 5 gồm 06 tập tin video, phân mở rộng “.dav”, có thời gian hiển thị từ 15 giờ 00 phút ngày 11/3/2021 đến 21 giờ 00 phút ngày 11/3/2021.

5. Không xác định được hình ảnh của **Nguyễn Văn T** và **Bùi Thị Thanh H1** có phải là hình ảnh của một trong những người xuất hiện trong dữ liệu Video CAM 5 khoảng thời gian từ 15 giờ 55 phút ngày 11/3/2021 đến 16 giờ 15 phút ngày 11/3/2021 hay không (theo thời gian hiển thị trên hình ảnh dữ liệu CAM 5).

6. Tìm thấy 120 tập tin video, phân mở rộng “.dav” vào ngày 12/3/2021 (theo thời gian hiển thị trên hình ảnh của các tập tin video) lưu trữ trong ổ cứng Seagate, dung lượng 500GB, có số S/N: VM39LCP1, P/N: 1ERT14C-315, trên thân ổ cứng có dãy chữ và số: 4TRT171017 của đầu ghi gửi giám định; Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt, ghép nội dung hình ảnh của 120 tập tin video.

7. Không xác định được thời gian chênh lệch giữa thời gian hiển thị trên đầu thu camera và thời gian thực tế tại thời điểm camera ghi nhận.

Tại Kết luận giám định số 1271/KL-KTHS, ngày 30/6/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận như sau:

Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh trong các file âm thanh: “May C. an **H4** – 2104192034.amr”; “May C. an **H4** – 2104192037.amr; “trương thái sơn 01.wav” trong mẫu cần giám định.

Phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh trong file âm thanh: “trương thái sơn 02.wav” trong mẫu cần giám định. Không tiến hành giám định đối với file này.

Tại Bản án sơ thẩm số 07/2023/HS-ST ngày 31/3/2023 của TAND huyện Krông Pắc đã quyết định: *Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội: “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 134; điểm b, o khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T** 07 (bảy) năm tù.*

Ngoài ra Bản án nói trên còn quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí.

Bị cáo kháng cáo không chấp nhận án sơ thẩm vì cho rằng mình không phạm tội. Đại diện hợp pháp bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt, tăng mức bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo tiếp tục kháng cáo kêu oan, cho rằng mình chỉ dùng tay vẩy về phía bị hại, xua đuổi bị hại đi về, không dùng tay đẩy bị hại ngã như án sơ thẩm đã quy kết. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố xét, xử lại.

Đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, tăng mức hình phạt, tăng mức bồi thường.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, khoản 4 Điều 134; điểm b, o khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội. Mức hình phạt 07 năm tù mà bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo là đã tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, mức bồi thường là thỏa đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm kết luận: “Tối ngày 11/3/2021, trong lúc tranh cãi về việc tranh chấp đất tại khu vực trước cổng nhà bị cáo Nguyễn Văn T, ở thôn P (nay là T), xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì giữa T và ông Trần Văn B1 đã xảy ra xô xát. T đã dùng tay phải đẩy vào vùng mặt ông Trần Văn B1. Hậu quả ông B1 bị ngã gây thương tích, dẫn đến tử vong. Hành vi phạm của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định theo điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự”.

Như vậy, nguyên nhân dẫn đến tử vong của ông Trần Văn B1 là do hành vi của Nguyễn Văn T dùng tay phải đẩy vào vùng mặt của bị hại, dẫn đến bị hại ngã, thương tích vào vùng đầu và tử vong. Nguyễn Văn T không có hành vi dùng vũ lực như đánh, đập, đâm, đá, tát... tác động vào cơ thể bị hại, làm bị hại thương tích. Do vậy, với kết luận nêu trên, hành vi của Nguyễn Văn T chưa cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Việc xét xử Nguyễn Văn T về tội danh này là chưa đủ căn cứ.

[2] Cũng với nội dung kết luận về hành vi, hậu quả nói trên của Nguyễn Văn T tại Bản Kết luận điều tra số 31/KLĐT-ĐTTH ngày 05/8/2021 và Bản Cáo trạng số 29/CT-VKS-HS ngày 23/8/2021 truy tố Nguyễn Văn T về tội “Vô ý làm chết người” theo khoản 1 Điều 128 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tại Bản Kết luận điều tra bổ sung số 01/KLĐTBS-ĐTTH ngày 12/01/2023 và Bản Cáo trạng số 05/CT-VKS-HS ngày 15/02/2023 lại truy tố Nguyễn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” quy định theo điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Cùng một hành vi nói trên của Nguyễn Văn T, cơ quan điều tra và truy tố ở cấp sơ thẩm thay đổi tội danh đối với Nguyễn Văn T mà không nêu rõ lý do, căn cứ pháp luật là không có cơ sở để Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận.

[3] Việc thu thập, bảo quản chứng cứ quan trọng của vụ án là phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử (camera quan sát ghi lại diễn biến hiện trường tại thời điểm phát sinh hành vi phạm tội) chưa tuân thủ đúng quy định tại các Điều 90, 99, 105, 107 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra có thu thập lời khai của bà Nguyễn Thị Xuân L1, ông Phạm Nguyên V - nhà đối diện nhà Nguyễn Văn T có lắp camera quan sát nhưng không tiến hành thu giữ, giám định, phục hồi dữ liệu đối với vật chứng này. Cơ quan điều tra chỉ dựa vào lời khai của bà Nguyễn Thị Xuân L1, ông Phạm Nguyên V là camera hồng, không có dữ liệu, nên không tiến hành thu giữ camera này, đồng thời tiến hành truy tìm các camera khác.

Ngoài ra, quá trình điều tra có thu giữ camera lắp ổ cứng tại nhà Nguyễn Văn T, cơ quan điều tra có trưng cầu giám định nhưng không tiến hành phục hồi dữ liệu trong ổ cứng của camera này, có dấu hiệu vi phạm quy định về việc niêm phong, bảo quản, khai thác dữ liệu trên vật chứng (BL 553, 554). Đây là những thiếu sót rất nghiêm trọng, ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án.

Bị cáo và gia đình bị cáo đã khiếu nại việc thu thập, bảo quản chứng cứ nói trên nhưng chưa được các cơ quan có thẩm quyền trả lời, giải quyết dứt điểm.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai nhận tội của Nguyễn Văn T, lời khai của nhân chứng trực tiếp bà Bùi Thị Thanh H1, bà Nguyễn Thị Xuân L1, một số nhân chứng khác, kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra, kết luận giám định... để kết tội Nguyễn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng nhiều nội dung còn mâu thuẫn, chưa được xác minh, điều tra làm rõ. Cụ thể:

- Đối với lời khai của Nguyễn Văn T:

Tại Biên bản người phạm tội ra đầu thú ngày 12/3/2021 (BL17, 18), Bản tự khai ngày 13/3/2021, ngày 19/3/2021 (BL 82, BL83A), Biên bản ghi lời khai các ngày 12/3/2021 (BL số 65, 66), ngày 13/3/2021 (BL số 63, 64), ngày 16/3/2021 (BL số 67, 68), ngày 19/3/2021 (BL số 69, 70), Biên bản hỏi cung ngày 22/3/2021 và ngày 22/4/202: Nguyễn Văn T thừa nhận có dùng tay đẩy ông B1 ngã dẫn đến tử vong.

Tại các Biên bản hỏi cung ngày 14/5/2021 (BL số 78, 79), ngày 04/6/2021 (BL số 80, 81A), ngày 01/7/2021 (BL số 83B, 83C); ngày 03/8/2021 (BL số 81B, 81C) Nguyễn Văn T khai có đẩy B1 01 cái rồi đi vào trong sân.

Tại các Biên bản hỏi cung từ ngày 12/8/2021 (BL số 334 đến BL 337) và các biên bản hỏi cung về sau Nguyễn Văn T khai bị Điều tra viên ép khai nhiều lần, phải khai theo ý của Điều tra viên, cán bộ điều tra bắt ký vào giấy trắng, Điều tra viên nói đầu thú cho nhẹ tội thì bị cáo thấy hợp lý và tin tưởng nên tự nguyện ký vào biên bản.

Tại phiên tòa sơ thẩm mở ngày 28/9/2021 Nguyễn Văn T khai: Tay phải tôi đẩy vào người B1 khoảng 02-03 cái (BL số 435). Tại phiên tòa sơ thẩm mở lại vào ngày 31/3/2023 và tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyễn Văn T tiếp tục thay đổi

lời khai, khai không đầy B1 tử vong, mà chỉ quơ tay, vẩy tay bảo B1 về nhà đi, phủ nhận lời khai của bà Nguyễn Thị Xuân L1, cho rằng lời khai của bà Nguyễn Thị Xuân L1 không khách quan vì có mâu thuẫn với mình trong việc kinh doanh cà phê bột.

- Đối với lời khai của bà Bùi Thị Thanh H1: Thay đổi theo lời khai của Nguyễn Văn T;

- Đối với lời khai của ông Hoàng Văn L3, bà Nguyễn Thị L4: Không xác nhận sự có mặt của bà Nguyễn Thị Xuân L1 (nhân chứng trực tiếp phát hiện Nguyễn Văn T có hành vi đẩy ngã ông B1) tại hiện trường hôm diễn ra vụ án.

- Về kết quả khám nghiệm tử thi:

Ngoài vết thương nứt sọ não dẫn đến tử vong theo Kết luận giám định pháp y về tử thi số 334/PYTT-PC09 ngày 31/3/2021 thì tại Kết luận giám định bổ sung số 1037/PYHS-PC09 ngày 25/10/2021 Trần Văn B1 còn các vết thương sau: Thương tích bầm tụ máu kích thước (04x03) cm và dập niêm mạc dài 1,5cm tại môi dưới bên trái do tác động của vật cứng tày, hướng tác động từ trước ra sau; Thương tích sây sát da (0,5x0,1) cm nằm dọc tại 1/3 ngoài xương đòn trái là do tác động của vật cứng tày, hướng tác động từ dưới lên trên, từ trước ra sau; thương tích sây sát da kích thước (1,5x01) cm tại 1/3 sau trên đùi phải là do tác động của vật cứng tày, hướng tác động từ sau ra trước. Các vết thương này cũng chưa được điều tra, xác minh làm rõ về nguyên nhân, thời điểm, đối tượng, hung khí... gây ra thương tích?

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, nhận thấy việc điều tra, xác minh thu thập chứng cứ ở cấp sơ thẩm chưa đầy đủ, khách quan, toàn diện, định tội danh sai so với hành vi, động cơ, mục đích phạm tội... của bị cáo, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của bị cáo, tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do vậy cần thiết phải hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2020/HSST ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc để điều tra, truy tố và xét xử lại theo hướng phân tích, nhận định nêu trên.

[5] Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358; khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

[1] Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T; Không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại - ông Trần B.

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2020/HSST ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc để điều tra, truy tố lại theo thủ tục chung.

[2] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T, ông Trần B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Công an huyện Krông Pắc;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Duy Phương